

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2017/HSST

Ngày: 03/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Nurm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thập - Cán bộ hưu trí.
2. Bà Y BLư - Chuyên viên, phòng Dân tộc thành phố Kon Tum.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lý Trọng Nguyên - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 03/11/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum - tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 65/HS-ST ngày 28/8/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. A H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/5/1999 tại Kon Tum; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn 8, xã Đ, thành phố Kon T; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Ja Rai; Giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông A K, sinh năm 1967 và bà Y T, sinh năm 1969. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: 03 tiền sự về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; nhân thân:

Ngày 25/12/2015, A H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã Đ, thành phố Kon T. Bị Công an xã Đ xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 750.000 đồng. Hiện A H chưa nộp phạt.

Ngày 15/4/2016, A H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã Đ, thành phố Kon T. Bị Công an xã Đ xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 750.000 đồng. Hiện A H chưa nộp phạt.

Ngày 15/8/2016, A H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã Đ, thành phố Kon T. Bị Công an xã Đ xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 750.000 đồng. Hiện A H chưa nộp phạt.

Bị cáo được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 14, ngày 31/3/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon T. Tuy nhiên, ngày 20/10/2017, Tòa án nhân dân thành phố Kon T triệu tập bị cáo đến phiên tòa để xét xử, nhưng bị cáo vắng mặt. Ngày 20/10/2017, Hội đồng xét xử, Tòa án dân thành phố Kon T đã ra lệnh áp giải bị cáo đến phiên tòa để xét xử. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. A T (tên gọi khác: L), sinh ngày 23/8/1999 tại Kon Tum; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 8, xã Đ, thành phố K. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Ja Rai; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Con ông A N, sinh năm 1975 và bà Y B, sinh năm 1973. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: 02 tiền sự về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; nhân thân:

Ngày 15/4/2016, A T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã Đ, thành phố Kon T. Bị Công an xã xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 750.000 đồng. Hiện A T đã nộp xong.

Ngày 15/8/2016, A T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã Đ, thành phố Kon T. Bị Công an xã Đ xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 750.000 đồng. Hiện A T đã nộp xong.

Bị cáo được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 30, ngày 13/7/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon T. Tuy nhiên, trong các ngày 29/9/2017 và ngày 20/10/2017, Tòa án nhân dân thành phố Kon T triệu tập bị cáo đến phiên tòa để xét xử, nhưng bị cáo vắng mặt. Ngày 20/10/2017, Hội đồng xét xử, Tòa án dân thành phố Kon T đã ra lệnh áp giải bị cáo đến phiên tòa để xét xử. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 5, xã Đ, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

2. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Thôn 6, xã Đ, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Y T, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 8, xã Đ, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong thời gian liên tục từ 23h50 phút ngày 17/9/2016 đến 2h30 phút ngày 18/9/2016, A H, A T và A Th (*Sinh ngày 13/5/2000; trú tại: thôn 8, xã Đ, Tp Kon*

T) đã 02 (Hai) lần thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” tại địa bàn xã Đ, thành phố Kon T, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ 30, ngày 17/9/2016, sau khi nhậu xong, A H rủ A T và A Th đi trộm cắp tài sản về bán cùng nhau tiêu xài, tất cả đồng ý. Sau đó, A H cầm theo 01 (Một) đèn pin (A H đã mượn của mẹ A H là Y T) cùng với A T và A Th đi bộ trên địa bàn xã Đ, Tp Kon T tìm nhà dân sơ hở vào trộm cắp tài sản. Đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày, A H, A T và A Th phát hiện nhà của Trần Văn T (Sinh năm 1975; trú tại: thôn 5, xã Đ, Tp Kon T) không khóa cổng nên A Th vào sân lấy 01 (Một) lồng chim bằng kim loại bên trong có 01 (Một) con chim chào mào rồi mang theo để tìm nhà trộm cắp tài sản tiếp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 30/ĐG-TS ngày 17/5/2017 của Hội đồng ĐGTS-TTHS UBND thành phố Kon T kết luận 01 (Một) lồng chim bằng kim loại và 01 (Một) con chim chào mào có giá trị 1.060.000đ (Một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Vụ thứ hai: Sau khi trộm cắp tài sản của nhà Trần Văn T như ở lần một thì A H, A T và A Th tiếp tục đi tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 18/9/2017, khi đi ngang qua nhà anh Nguyễn Thanh H (Sinh năm 1973; trú tại: thôn 6, xã Đ, Tp Kon T) A T phát hiện thấy nhà đã tắt điện đi ngủ nên rủ A H và A Th vào nhà Nguyễn Thanh H trộm cắp tài sản, A H và A Th đồng ý. Sau đó A H và A T trèo qua hàng rào vào nhà Nguyễn Thanh H còn A Th đứng ngoài canh giới. Vào trong A T lấy 01 (Một) lồng chim bằng gỗ bên trong có 01 (Một) con chim chào mào và 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng, còn A H lấy 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobile màu đen. Vừa lấy xong thì A H bị con của Nguyễn Thanh H là Nguyễn Thanh M (Sinh ngày 26/3/1999; trú tại: thôn 6, xã Đ, Tp Kon T) phát hiện bắt giữ. Riêng A T và A Th chạy thoát.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/ĐG-TS ngày 25/01/2017 của Hội đồng ĐGTS-TTHS UBND thành phố Kon Tum kết luận 01 (Một) lồng chim bằng gỗ; 01 (Một) con chim chào mào; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobile màu đen có giá trị 699.000đ (Sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 65/KSĐT ngày 25/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon T đã truy tố các bị cáo A H và A T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo A H và A T về tội “Trộm cắp tài sản”; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm n khoản 1 Điều 48; Điều 31, 68 và 69 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: A H và A T mỗi bị cáo từ 06-09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu gì nên không đề cập. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo A H và A T nói lời nói sau cùng: Các bị cáo rất hối hận về hành vi sai trái và cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Kon T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon T, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội thể hiện: Trong khoảng thời gian từ 23h50 phút ngày 17/9 đến 2h30 phút ngày 18 tháng 9 năm 2016 A H, A T đã có 02 lần lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt 01 (Một) lồng chim bằng kim loại. 02 (Hai) con chim chào mào. 01 (Một) lồng chim bằng gỗ, 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng. 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu mobile màu đen. Tài sản mà các bị cáo A H, A T trộm cắp có giá trị là 1.759.000 đồng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo A H và A T đã lén lút, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để cố ý trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân, bán lấy tiền tiêu xài cho mục đích cá nhân. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo A H, bị cáo A T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử công khai là cần thiết, xử phạt bị cáo A H, bị cáo A T một mức án nghiêm minh nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt góp phần răn đe phòng ngừa chung. Đối với bị cáo A H là người rủ rê bị cáo A T và A Th là người chưa thành niên tham gia trộm cắp tài sản ở lần 1 ngày 17/9/2016. Lần 2 ngày 18/9/2017 A T phát hiện thấy nhà đã tắt điện đi ngủ nên rủ A H và A Th là người chưa thành niên tham gia trộm cắp tài sản, đây là

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, A H, A T đều là người rủ rê, khởi xướng cũng là người trực tiếp thực hiện, là người giúp sức nên cả hai đều phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau.

- Nhân thân bị cáo A H có 03 tiền sự:

+ Ngày 25/12/2015, A H thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản*” tại xã Đ, thành phố Kon T. Bị Công an xã Đ xử phạt hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” với số tiền 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Hiện A H chưa nộp phạt.

+ Ngày 15/4/2016, A H thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản*” tại xã Đ, thành phố Kon T. Bị Công an xã Đ xử phạt hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” với số tiền 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Hiện A H chưa nộp phạt.

+ Ngày 15/8/2016, A H thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản*” tại xã Đ, thành phố Kon T. Bị Công an xã Đ xử phạt hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” với số tiền 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Hiện A H chưa nộp phạt.

- Nhân thân bị cáo A T có 02 tiền sự:

+ Ngày 15/4/2016, A T thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản*” tại xã Đ, thành phố Kon T. Bị Công an xã Đ xử phạt hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” với số tiền 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Hiện A T đã nộp xong.

+ Ngày 15/8/2016, A T thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản*” tại xã Đ, thành phố Kon T. Bị Công an xã Đ xử phạt hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” với số tiền 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Hiện A T đã nộp xong. Nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc mức án đối với từng bị cáo cho phù hợp khi lượng hình.

[5] Tuy nhiên cũng cần xem xét, sau khi phạm tội các bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, giá trị tài sản không lớn. Tài sản đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu. Nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo A H, bị cáo A T khi phạm tội dưới 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế cần áp dụng Điều 68, Điều 69 và Điều 71 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo A H, bị cáo A T để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội. Các bị cáo có công việc nhưng thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo A H và A T.

Xét thấy các bị cáo A H và A T có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật.

[6] Vật chứng vụ án: 01 (Một) lồng chim bằng kim loại; 02 (Hai) con chim chào mào; 01 (Một) lồng chim bằng gỗ; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu mobile màu đen; 01 (Một) đèn pin.

Toàn bộ vật chứng trên, quá trình xác minh ban đầu Công an xã Đ đã trả cho chủ sở hữu Nguyễn Thanh M: 01 (Một) lồng chim bằng gỗ bên trong có một con chim chào mào, 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng, 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobile màu đen; Trả lại cho anh Trần Văn T: 01 (Một) lồng chim bằng kim loại, bên trong có 01 (Một) con chim chào mào; Trả lại cho bà Y T: 01 (Một) đèn pin theo quy định nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại được tài sản bị mất và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Trong vụ án này còn có đối tượng A Th là người cùng với A H và A T thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản*”. Nhưng tại thời điểm phạm tội A Th chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Công an xã Đ đã ra quyết định xử phạt hành chính là phù hợp với quy định của Pháp luật.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo A H, bị cáo A T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo A H, bị cáo A T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm n khoản 1 Điều 48; Điều 31; Điều 68; Điều 69; Điều 71 và Điều 73 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **A H** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo **A T** 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo A H và A T.

Giao các bị cáo A H và A T cho Ủy ban nhân dân xã Đ - Thành phố Kon T - Tỉnh Kon Tum để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo A H, bị cáo A T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 231, 233, 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03-11-2017) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cơ trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP. KonTum;
- Công an TP. KonTum;
- Chi cục THADS TP. Kon Tum
- UBND xã Đ;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quách Văn Nurm